

FDVN LAW FIRM

Tài liệu nghiệp vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có 11 (mười một) thành viên tham gia xét xử, do ông Nguyễn Văn Bường – Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng làm Chủ tọa phiên tòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quang Hưng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Thái Văn Đoàn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự “*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*”, giữa các đương sự:

[1]. *Nguyên đơn*: Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn thiết kế thi công xây dựng T ;

Địa chỉ: số X đường T, Phường S, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn Quốc H, Giám đốc.

[2]. *Bị đơn*: Vợ chồng ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị Th ;

Địa chỉ: số S đường T, tổ dân phố A, thị trấn A, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại Đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2016 và quá trình tố tụng, nguyên đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn thiết kế thi công xây dựng T trình bày:*

Ngày 04/4/2015, Công ty TNHH tư vấn thiết kế thi công xây dựng T (bên B-bên nhận thi công, sau đây viết tắt là Công ty T) ký với ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị Th (bên A-chủ đầu tư) Hợp đồng thi công xây dựng số 04/2015/TNL, nội dung: Bên A giao khoán cho bên B thi công xây dựng toàn bộ nhân công phần thô và hoàn thiện (không bao gồm phần nhân công đóng trần và thi công nội thất) công trình Nhà hàng tiệc cưới Như Ý (nay là nhà hàng tiệc cưới MT) tại 504-506 đường Giải Phóng, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, giá trị hợp đồng 2.100.000.000 đồng. Ngày 05/6/2015, hai bên tiếp tục ký Phụ lục hợp đồng mở rộng quy mô công trình ở tầng hầm, giá trị phát sinh 312.000.000 đồng. Ngày 10/7/2015, hai bên tiếp tục ký Phụ lục

hợp đồng mở rộng quy mô nhà hàng tiệc cưới, giá trị phát sinh là 562.000.000 đồng. Tổng giá trị Hợp đồng và các Phụ lục hợp đồng là 2.974.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T thi công công trình đến tháng 7/2016 thì hoàn thành. Sau khi kiểm tra toàn bộ công trình, ông M, bà Th có yêu cầu sửa chữa một số điểm của công trình; Công ty T có cho công nhân đến sửa chữa theo yêu cầu của ông M, bà Th. Tháng 9/2016, Trung tâm hội nghị tiệc cưới MT đưa vào sử dụng. Công ty T thông báo yêu cầu ông M, bà Th thanh toán các khoản nợ còn lại cho Công ty T nhưng ông M, bà Th cho rằng công trình thi công không đảm bảo chất lượng, thẩm dột nên chưa thanh toán số tiền còn lại cho Công ty T. Công ty T có yêu cầu ông M, bà Th liệt kê những lỗi cần sửa chữa để Công ty khắc phục nhưng ông M, bà Th không hợp tác; khi Công ty T ra thông báo nghiệm thu công trình thì ông M, bà Th không đồng ý nghiệm thu công trình. Đến nay công trình nhà hàng, tiệc cưới MT đã đưa vào sử dụng, nhưng ông M, bà Th mới thanh toán cho Công ty T 2.703.000.000 đồng, số tiền còn lại 271.000.000 đồng chưa thanh toán.

Nay, Công ty T yêu cầu ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị Th thanh toán cho Công ty T số tiền 271.000.000 đồng.

- Bị đơn là ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Ông, Bà thống nhất với lời khai của nguyên đơn về việc ký Hợp đồng thi công xây dựng nhà hàng tiệc cưới MT như trên, tổng giá trị Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng là 2.946.000.000 đồng. Ông, Bà đã tạm ứng thanh toán cho Công ty T số tiền 2.689.425.000 đồng, còn lại 256.575.000 đồng chưa thanh toán, bởi lẽ: Quá trình thi công, Công ty T thi công chậm tiến độ, công trình không đảm bảo chất lượng, nhiều hạng mục không thực hiện như: không sơn trần, không trét lớp sơn lót chống thấm, hậu quả làm nước ngấm vào trong tòa nhà mỗi khi trời mưa; tầng hầm không tô tường, không có biện pháp khắc phục khiến bị ngập lụt khi trời mưa; không có sơ đồ hệ thống ống nước, khiến mỗi khi nước rò rỉ không biết ở vị trí nào, phải đục tường tìm vị trí. Ông, Bà đã nhiều lần yêu cầu công ty T khắc phục, nhưng không thực hiện, Ông, Bà đã thuê đơn vị khác thực hiện với tổng số tiền 168.000.000 đồng.

Hơn nữa, tại Hợp đồng quy định về giá trị thanh toán là 10% giá trị hợp đồng (294.600.000 đồng) chỉ giao khi nào bên ông M, bà Th nhận mặt bằng đưa vào sử dụng; nhưng phía Công ty T không thực hiện bàn giao nghiệm thu công trình cho Ông, Bà. Công ty T tự ý dừng thi công và bỏ công trình ngổn ngang nên Ông, Bà phải thuê người dọn vệ sinh, khắc phục những lỗi chưa hoàn thành của công trình.

Ông, Bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của Công ty T. Ông, Bà yêu cầu Tòa án cho trưng cầu cơ quan chuyên môn độc lập để thẩm định, nghiệm thu và lập biên bản bàn giao công trình như thỏa thuận trong hợp đồng đã ký. Trường hợp bên nào vi phạm sẽ chịu trách nhiệm về mọi chi phí cũng như bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2017/DS-ST ngày 16/10/2017, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217; Điều 227; khoản 2 Điều 244; Điều 264; Điều 266; Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 290; 388; 389; 390; 402; 405; 408 BLDS năm 2005; Điều 688 BLDS năm 2015; các Điều 7; 122; 123; 124; 138; 139; 140; 141; 143; 144 Luật xây dựng; Điều 24; khoản 2 điều 27 Pháp lệnh số: 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về lệ phí, án phí toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH tư vấn thiết kế thi công xây dựng T .

Buộc ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Th phải hoàn trả cho Công ty TNHH tư vấn thiết kế thi công xây dựng T số tiền 271.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi một triệu đồng).

Đình chỉ một phần cầu yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH tư vấn thiết kế thi công xây dựng T đối với số tiền 43.000.000 đồng (Bốn mươi ba triệu đồng) mà Công ty TNHH tư vấn thiết kế thi công xây dựng T đã tự nguyện rút trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, lãi suất chậm trả thi hành án; quyền và nghĩa vụ thi hành án và tuyên bố quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 30/10/2017, bị đơn bà Nguyễn Thị Th kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm.

- Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 70/2018/DSPT ngày 20/4/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

[1]. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Th - Sửa một phần bản án sơ thẩm số: 28/2017/DS-ST ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217; Điều 227; khoản 2 Điều 244; Điều 264; Điều 266; Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 290; 388; 389; 390; 402; 405; 408 BLDS năm 2005; Điều 688 BLDS năm 2015; các Điều 7; 122; 123; 124; 138; 139; 140; 141; 143; 144 Luật xây dựng; Điều 24; khoản 1 khoản 2 điều 27 Pháp lệnh số: 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về lệ phí, án phí toà án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH tư vấn thiết kế thi công xây dựng T : Buộc ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Th phải thanh toán cho Công ty TNHH tư vấn thiết kế thi công xây dựng T số tiền 201.000.000 đồng (Hai trăm lẻ một triệu đồng).

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH tư vấn thiết kế thi công xây dựng T đối với yêu cầu buộc ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Th phải thanh toán tiền thi công công trình là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH tư vấn thiết kế thi công xây dựng T đối với số tiền 43.000.000 đồng (Bốn mươi ba triệu đồng) mà Công ty TNHH tư vấn thiết kế thi công xây dựng T đã tự nguyện rút trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí, lãi suất chậm trả thi hành án, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

- Ngày 10/5/2018, bà Nguyễn Thị Th có đơn đề nghị giám đốc thẩm yêu cầu hủy Bản án dân sự sơ thẩm, Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên để giải quyết lại.

- Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 124/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 16/11/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án phúc thẩm và Bản án sơ thẩm số 28/2017/DS-ST ngày 16/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện K , tỉnh Đắk Lắk; giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện K , tỉnh Đắk Lắk giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 04/4/2015, bà Nguyễn Thị Th (bên A, chủ đầu tư) và Công ty T (bên B- bên nhận thi công) ký *Hợp đồng thi công xây dựng* số 04/2015/TNL, nội dung: bên A giao khoán cho bên B thi công xây dựng toàn bộ phần nhân công phần thô và hoàn thiện (không bao gồm phần nhân công đóng trần và thi công nội thất) công trình Nhà hàng tiệc cưới Như Ý (nay là Nhà hàng tiệc cưới MT) tại 504-506 đường Giải Phóng, thị trấn P , huyện K , tỉnh Đắk Lắk, giá trị hợp đồng 2.100.000.00đ. Ngày 05/6/2015, hai bên ký Phụ lục hợp đồng về việc “mở rộng quy mô nhà hàng tiệc cưới tầng hầm 2”, giá trị Phụ lục hợp đồng là 312.000.000 đồng. Ngày 10/7/2015, hai bên tiếp tục ký Phụ lục hợp đồng gói thầu “mở rộng quy mô nhà hàng tiệc cưới”, giá trị Phụ lục hợp đồng là 562.000.000 đồng (sau đó hai bên điều chỉnh Phụ lục hợp đồng này từ 562.000.000 đồng xuống còn 524.000.000 đồng). Tổng giá trị Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng là 2.946.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T thừa nhận ông M , bà Th đã thanh toán cho công ty T 2.675.000.000 đồng, còn nợ 271.000.000 đồng, đến nay chưa thanh toán. Còn ông M , bà Th cho rằng tổng giá trị Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng là 2.946.000.000 đồng; Ông, Bà đã tạm ứng cho Công ty T số tiền 2.689.425.000 đồng,

còn lại 256.575.000 đồng chưa thanh toán. Lý do chưa thanh toán đủ số tiền thi công vì Công ty T thi công chậm tiến độ, công trình thi công không đảm bảo chất lượng, không khắc phục sửa chữa, không nhiệm thu bàn giao công trình nên Ông, Bà đã thuê đơn vị khác thực hiện với số tiền 168.000.000 đồng. Ông, Bà không đồng ý yêu cầu của Công ty T .

Xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, thấy:

[1]. Về chất lượng công trình và chi phí sửa chữa, khắc phục công trình:

Ông M , bà Th cho rằng chất lượng thi công chưa đảm bảo gây thấm dột, một số hạng mục chưa hoàn thành, Ông, Bà có yêu cầu Công ty T khắc phục nhưng Công ty không thực hiện; còn Công ty T cho rằng sau khi nhận được yêu cầu của ông M , bà Th về việc khắc phục những hạng mục chưa đảm bảo chất lượng, Công ty T có khắc phục; tuy nhiên Công ty T không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ thể hiện có khắc phục, sửa chữa theo yêu cầu của ông M , bà Th . Trong khi đó, bị đơn là ông M , bà Th trình bày và cung cấp chứng cứ thuê người khác thực hiện việc khắc phục những hạng mục chưa đảm bảo chất lượng của công trình, cụ thể: thuê ông Nguyễn Văn Kh đào đất, tô tường, làm bể phốt nước hầm cầu, lót gạch tam cấp sân khấu; ông Phạm Đình T , bà Nguyễn Thị V làm vệ sinh; ông Nguyễn M sơn trần; ông Nguyễn Văn Đ làm sân khấu; ông Chiến làm công ốp gạch tường; những người này đều thi công xong và viết giấy nhận tiền của bà Th tổng cộng 168.000.000 đồng. Các giấy nhận tiền trên đã được kiểm tra đối chiếu với bản gốc do bà Th xuất trình và có lời trình bày của ông Nguyễn Văn Kh xác nhận việc thi công cho bà Th . Đồng thời, Thừa phát lại Đắc Lắc tiến hành lập *Vi bằng* ghi nhận hiện trạng Nhà hàng tiệc cưới Như Ý, cụ thể: *“Hiện trạng sụt, lún, gạch vỡ tại góc bên phải từ ngoài cổng chính vào, gạch ốp tường bị bong tróc, có hiện tượng xi măng nứt (sát thêm ảnh chính). Tầng hầm có hiện tượng thấm nước, tường mốc, ẩm ướt và đọng nước dưới nền gạch... Tầng 1 (khu Karaoke) gạch ốp chân tường bị bong rơi ra ngoài... Tầng 2: hai trụ trang trí giữa sảnh chính có vết nứt ngang giữa trụ... bên phải sảnh chính từ ngoài vào có 06 vết nứt trên tường... Tầng 3: góc phải sân khấu gạch ốp chân tường bị mất... Tường phía bên hông phải nhà hàng có xuất hiện nhiều vết nứt kéo dài ở vị trí tầng 1 và tầng 2 ”*, kèm theo *Vi bằng* có 12 hình ảnh và 04 video ghi nhận sự việc trên. Như vậy, lời trình bày của ông M , bà Th là có cơ sở, phù hợp với *Vi bằng* do Thừa phát lại Đắc Lắc ghi nhận, phù hợp với các tài liệu do ông M , bà Th thuê người khác thực hiện công việc sửa chữa, khắc phục những hạng mục công trình chưa đảm bảo chất lượng, nên có cơ sở xác định chất lượng công trình xây dựng Nhà hàng tiệc cưới MT do Công ty T thi công chưa đảm bảo, còn phải sửa chữa, khắc phục nhiều hạng mục.

Căn cứ Điều 125 Luật xây dựng năm 2014 và Điều 35 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý công trình và bảo trì công trình xây dựng thì Công ty T phải có trách nhiệm khắc phục, sửa chữa, bảo hành công trình xây dựng do mình thi công. Tuy nhiên, Công ty T không thực hiện nên ông M , bà Th phải thuê người khác khắc phục, sửa chữa. Lẽ ra khi giải quyết tranh chấp, Tòa

án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm phải xác minh, đánh giá tính hợp pháp của các tài liệu, chứng cứ do ông M , bà Th cung cấp, nhưng Tòa án các cấp không thực hiện là thiếu sót, vì vậy cần phải xác minh làm rõ; trên cơ sở đó mới có căn cứ xác định chính xác số tiền ông M , bà Th chi ra sửa chữa, khắc phục những hạn mục công trình không đảm bảo chất lượng.

[2]. Về xác định giá trị thi công công trình:

Quá trình thi công, Công ty T phải có trách nhiệm thực hiện việc nghiệm thu, lập Nhật ký công trình để hai bên ký xác nhận tiến độ thi công, những công việc cụ thể thi công từ khi thi công cho đến khi bàn giao công trình đưa vào sử dụng theo thỏa thuận quy định tại Điều 6, Điều 7 Hợp đồng thi công xây dựng mà các bên đã ký. Đồng thời, khi bàn giao công trình xây dựng, nhà thầu thi công xây dựng phải giao cho chủ đầu tư các tài liệu gồm bản vẽ hoàn công, quy trình hướng dẫn vận hành, quy trình bảo trì công trình, danh mục các thiết bị, phụ tùng, vật tư dự trữ thay thế và các tài liệu cần thiết khác có liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 124 Luật xây dựng năm 2014. Song tại hồ sơ vụ án thể hiện Công ty T không lập Nhật ký công trình, không lập biên bản nghiệm thu từng phần và toàn bộ công trình, không cung cấp được bản vẽ hoàn công và các vấn đề khác nêu trên cho ông M , bà Th là vi phạm khoản 2 Điều 123 Luật Xây dựng năm 2014 và vi phạm cam kết trong hợp đồng 2 bên ký kết nên chưa có cơ sở xác định số liệu về khối lượng thi công của Công ty T ? giá trị thi công bao nhiêu? để từ đó làm cơ sở cho việc thanh quyết toán, đưa công trình vào sử dụng.

[3]. Công ty T cho rằng Công ty có gửi cho ông M , bà Th thông báo nghiệm thu công trình ngày 26/8/2016 theo Phiếu báo phát ngày 09/12/2015; nhưng thấy rằng tại thời điểm tháng 12/2015, công trình đang thi công đến tháng 7/2016 mới ngừng thi công, nên việc Công ty T cho rằng có gửi Biên bản nghiệm thu công trình cho ông M , bà Th nhận là không đúng thực tế.

[4]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông M , bà Th cho rằng chất lượng công trình không bảo đảm như: không sơn trần, không trét lớp sơn lót chống thấm hậu quả làm nước ngấm vào nhà, tầng hầm 2 không tô tường cũng như các biện pháp khắc phục khiến bị ngập lụt khi trời mưa... Ông M , bà Th có yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định hiện trạng công trình xây dựng. Tòa án cấp sơ thẩm ra Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ số 02/2017/QĐ-XXTĐTC ngày 02/8/2017 và có Giấy báo cho bị đơn sẽ xem xét thẩm định tại chỗ vào lúc 08h ngày 11/8/2017, nhưng thực tế Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, Tòa án cấp phúc thẩm cũng không thực hiện để xác định hiện trạng công trình xây dựng như thế nào? có đúng như lời khai của bị đơn trình bày hay không? mà chỉ căn cứ vào lời khai của nguyên đơn xác định công trình thi công đảm bảo chất lượng và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các đương sự, vi phạm thủ tục tố tụng quy định tại Điều 101 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử giám đốc thẩm thấy cần phải làm rõ các vấn đề nêu trên để làm cơ sở cho việc thanh quyết toán hợp đồng của các bên đương sự. Kháng nghị giám đốc

thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có cơ sở nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 337; khoản 3 Điều 343 và Điều 345 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 70/2018/DSPT ngày 20/4/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2017/DS-ST ngày 16/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện K , tỉnh Đắk Lắk đã giải quyết vụ án “*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*”, giữa nguyên đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn thiết kế thi công xây dựng T với bị đơn là vợ chồng ông Trần Văn M , bà Nguyễn Thị Th ;

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện K , tỉnh Đắk Lắk để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk (để biết);
- Viện trưởng VKSNDCC tại Đà Nẵng (để biết);
- Tòa án nhân dân huyện K , tỉnh Đắk Lắk ((2 bản kèm hồ sơ vụ án để giải quyết sơ thẩm lại);
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện K , tỉnh Đắk Lắk (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ ; Phòng Giám đốc kiểm tra về DS-KDTM-LĐ và hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Bường